

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIẾN XƯƠNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 5 - 2023

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Duyên và bà Bùi Thị Ngoan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Ngoan- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2023/TLST- HNGĐ , ngày 04 tháng 01 năm 2023, về việc " Ly hôn và tranh chấp nuôi con ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị L**, sinh năm 1985

- Bị đơn: Anh **Lưu Văn Đ**, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn Tr, xã T, huyện K, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn chị Bùi Thị L có yêu cầu khởi kiện và trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị và anh Đ tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vũ Sơn (nay là xã Tây Sơn), huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình vào ngày 22/3/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống cùng bố mẹ anh Đ tại xã V (nay là xã T), huyện K, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống

vợ chồng chung sống hoà thuận không xảy ra mâu thuẫn, căng thẳng gì. Đến năm 2015 khi anh Đ quyết định đi làm ăn xa để cải thiện kinh tế gia đình, thì vợ chồng chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do thời gian vợ chồng xa nhau, anh Đ dần không quan tâm đến chị, sự quan tâm, chia sẻ giữa hai anh chị cũng giảm đi. Chị L đã nhiều lần khuyên anh Đ về nhà để làm việc tuy nhiên anh Đ không nghe, vợ chồng dần dần ít liên lạc, trao đổi thông tin với nhau anh Đ đi làm ăn công việc và chỗ ở không ổn định, hiện chị L không biết anh Đ đang làm và ở đâu. Vợ chồng chị cũng ly thân từ năm 2017 đến nay, hiện chị đưa con về ở nhà bố mẹ đẻ, anh Đ thỉnh thoảng có về nhà nhưng cũng không liên lạc nói chuyện với chị. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn và không muốn quay về sống cùng anh Đ nữa nên chị đề nghị được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lưu Minh Đ sinh ngày 21/4/2010. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh Đ phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ chung, không yêu cầu toà án giải quyết.

* Bị đơn là anh Lưu Văn Đ: Trong quá trình giải quyết vụ án không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia tố tụng tại Tòa án, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự.

* Kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án:

- Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Tây Sơn, cán bộ đại diện cho Đoàn thể, đại diện chính quyền cung cấp cho biết: Chị L và anh Đ đều có hộ khẩu thường trú tại xã T, kết hôn và làm thủ tục đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Vũ Sơn (nay là xã Tây Sơn) vào ngày 22/3/2008. Quá trình chung sống vợ chồng giữa chị L và anh Đ có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ đi làm ăn xa không quan tâm đến gia đình vợ con, vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nay. Hiện tại chị L đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, còn anh Đ đi làm ăn xa, thỉnh thoảng có về nhà thăm bố mẹ ở quê rồi lại đi. Việc chị L làm thủ tục ly hôn anh Đ, địa phương xác định khả năng đoàn tụ giữa hai anh chị là khó khăn, đề nghị toà án giải quyết cho vợ chồng ly hôn đồng thời giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo điều kiện sống tốt nhất cho con.

- Ý kiến lời khai bà Nguyễn Thị L – mẹ đẻ anh Đ trình bày: Chị L và anh Đ tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện đi đến kết hôn được hai bên gia đình đồng ý. Sau khi vợ chồng cưới nhau chung sống với nhau hạnh phúc, chị L ở với gia đình bà cũng rất biết điều, cư xử mọi cái đều hài hoà, gia đình bà không có điều tiếng gì.

Từ năm 2015 anh Đ đi làm ăn xa nhà, giữa hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, tranh cãi. Gia đình bà cũng đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không có kết quả. Nay chị L làm thủ tục xin ly hôn gia đình bà rất tiếc, tuy nhiên bà để vợ chồng tự quyết định. Hiện nay anh Đ đi làm ăn, thỉnh thoảng có về nhà, công việc và chỗ ở không ổn định nên bà không rõ địa chỉ cụ thể của anh ở đâu, gia đình bà thường xuyên liên lạc với anh Đ qua điện thoại. Tòa án gửi các văn bản về nhà bà có nhận được và có thông báo qua điện thoại cho anh Đ được biết, quan điểm của anh Đ là cũng đồng ý ly hôn, không có ý kiến gì.

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật:

Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị L được ly hôn anh Đ; giao cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng con chung Lưu Minh Đ sinh ngày 21/4/2010, ghi nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh Đ góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1] Chị Bùi Thị L xin ly hôn anh Lưu Văn Đ đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện K, tỉnh Thái Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự .

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn chị Bùi Thị L đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh Lưu Văn Đ chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, chị L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, anh Đ đã được Tòa án triệu

tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh Đ là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án chỉ có nguyên đơn và bị đơn, họ đều vắng mặt nên phiên tòa được tiến hành theo thủ tục quy định tại điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[II] Về pháp luật nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân của chị L và anh Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng không được hạnh phúc, sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Như vậy chứng tỏ hôn nhân giữa chị L và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần giải quyết cho chị L được ly hôn với anh Đ là phù hợp với quy định tại điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Cháu Lưu Minh Đ, sinh ngày 20/4/2010 hiện đang ở với chị L, anh Đ nhiều năm nay không quan tâm chăm sóc con. Chị L hiện làm công việc buôn bán thu nhập khoảng 10 triệu đồng/tháng có đủ khả năng nuôi con. Xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lưu Minh Đ, ghi nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh Đ góp tiền cấp dưỡng nuôi con, anh Đ có quyền thăm nom, giáo dục con chung là phù hợp các quy định tại các điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Bùi Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh Lưu Văn Đ.

2. Về con chung:

Giao cho chị Bùi Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lưu Minh Đ, sinh ngày 20/4/2010. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001801 ngày 04/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương. Chị L đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị L, anh Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Chi cục THADS huyện Kiến Xương;
- Các đương sự;
- UBND xã Tây Sơn;
- Lưu: hồ sơ, vp.

Phạm Minh Đức